**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**
**TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-10-2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Neàng Sa Men– Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989. HKTT: tổ 8, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: tổ 2, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quang T, sinh năm 1990. HKTT và nơi ở hiện nay: tổ 8, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện lại ngày 03 tháng 7 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn T, huyện T, giấy chứng nhận kết hôn số 62/2014, quyển sổ 01/2014, ngày 30 tháng 6 năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng sống tại khóm X, thị trấn T, huyện T, cuộc sống hàng ngày anh T thường hay chơi đá gà, lô đề,

không lo làm ăn, đã khuyên can nhiều lần. Từ tháng 6 năm 2018 bà đã đi về nhà cha mẹ ruột sống tại xã A, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang T.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Phát T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015, bà T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- *Ý kiến trình bày của ông Trần Quang T trình bày tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau*:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà T. Theo ông, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, nhưng bà T cho rằng ông đá gà, cờ bạc, thì ông xác định có chơi, nhưng chơi không thường xuyên. Do còn thương vợ và con, nên không đồng ý lý hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Phát T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015. Nếu tòa án giải quyết ly hôn ông T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo qui định tại các điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy giữa bà T và ông T có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Về tình cảm thấy rằng vợ chồng bà T và ông T đã không còn hạnh phúc, từ tháng 6 năm 2018 bà T và ông T không chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn bà T cho rằng do ông T chơi cờ bạc, đá gà, còn ông T xác định không chơi thường xuyên. Nhưng thấy rằng, trong thời gian chung sống bà T đã khuyên ngăn nhiều lần, ông T vẫn không sửa đổi, dẫn đến bà T phải bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Điều này chứng minh cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Phát T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015, bà T và ông T đều yêu cầu được quyền nuôi con chung. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà T nuôi dưỡng. Bà T cũng có công việc, có thu nhập ổn định. Mặc khác, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt và không làm thay đổi cuộc sống của bé, cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Về hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quang T được xác lập vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, giấy chứng nhận kết hôn số 62/2014, quyển số 01/2014, ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Theo lời khai của bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông T hay chơi đá gà, số đề, tuy nhiên ông T xác định có chơi, nhưng không thường xuyên. Nhưng thấy rằng, trong thời gian chung sống bà T đã khuyên ngăn nhiều lần, ông T vẫn không sửa đổi, dẫn đến bà T phải bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 9 năm 2018 thì giữa bà T, ông T không còn chung sống từ tháng 6 năm 2018, từ đó thấy rằng giữa vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Phát T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015, bà T và ông T đều yêu cầu được quyền nuôi con chung. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà T nuôi dưỡng, đến nay bé được khoảng 43 tháng tuổi. Bà T cũng có công việc, có thu nhập ổn định. Mặc khác, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt và không làm thay đổi cuộc sống của bé. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quang T khai không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

**[3]** Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Trần Quang T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Trần Quang T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Phát T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Quang T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004325 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND TT T;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**

| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TỊNH BIÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

*Tịnh Biên, ngày 30 tháng 06 năm 2017*

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 06 năm 2017,

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Thuần;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc "Xin ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ Duyên, sinh năm 1984.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Bé Năm, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp Thiên Tuế, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp xin ly hôn":* Biểu quyết 3/3

- Về áp dụng pháp luật:

+ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

+ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

- Về nội dung vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ Duyên.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ Duyên được ly hôn với anh Dương Văn Bé Năm. Biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Mỹ Duyên được quyền nuôi con chung tên Dương Thị Tú Uyên, sinh ngày 5/5/2005 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 29/10/2012. Anh Dương Văn Bé Năm không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Mỹ Duyên cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Dương Văn Bé Năm thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Biểu quyết 3/3.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ Duyên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015553 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút, ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nam Phú**